

10 năm xây dựng và phát triển NGÀNH NUÔI ONG Ở VIỆT NAM

LÊ KHẢ THUẬT

NƯỚC ta thuộc vùng nhiệt đới ẩm, lại có gió mùa, nên đã tạo nên những cảnh quan thích hợp cho nhiều loại thực vật sinh sống và phát triển. Chúng ta có hàng triệu hecta rừng và đồng cỏ; hàng mấy chục vạn hecta hoa màu, cây công nghiệp và cây ăn quả, trải rộng trên nhiều vĩ tuyến và vĩ độ khác nhau, tạo thành nhiều thảm thực vật quý. Nguồn lợi thực vật và cây trồng cho ta gỗ, lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc... nhưng còn một sản phẩm quý nữa là phấn hoa và mật hoa thì ta chưa khai thác được bao nhiêu, còn lãng phí nhiều, vì ta chưa chú trọng phát triển nghề nuôi ong mật.

Nhìn chung, trong phạm vi cả nước, từ rừng núi đến hải đảo, từ đồng bằng đến trung du, chạy dài từ Cao Lạng đến Minh Hải, quanh năm đều có cây cỏ nở hoa, rất thích hợp cho nghề nuôi ong mật. Chính do điều kiện đó, trong các vùng rừng núi của ta đã trở thành các vùng sinh sống của các giống ong đã sinh. Từ xa xưa nhân dân vùng rừng núi đã có thêm một nghề là vào rừng tìm tổ ong, khai thác mật tự nhiên. Một số vùng, nhân dân còn tạo thêm những xà gác cây để ong đến làm tổ và thu mật, gọi là nghề nuôi ong gác kèo. Còn vùng đồng bằng và trung du rộng lớn có nhiều cây cho phấn và mật quý như: vải chua, vải thiều, nhãn, ngô, đay, bạch đàn, sù vẹt, táo, dừa, trám, cao su, chè... thì lại không có ong giúp chúng thụ phấn, tăng năng suất cây trồng và thu lại các sản phẩm quý là mật ong.

Do việc khai thác ong tự nhiên dần bị hạn chế bởi nạn phá rừng, nên từ lâu, nhân dân vùng núi của ta đã biết bắt ong về nuôi trong các đồ gỗ dựng đứng hay nằm ngang, hoặc đan



Ông nhập nội Apis — Italia đang hút mật hoa, được nuôi tại các cơ sở quốc doanh thuộc Công ty ong Trung ương.

Ảnh: HÀ VIỆT

các đồ bằng cành cây hay tre, rơm trát đất để nuôi. Nghề nuôi ong gia đình tuy hình thành nhưng do giống ong chưa được thuần chủng, kiểu thu mật cổ truyền là bóp nát bánh tổ lấy mật, nên ong thường bỏ đi mất; hơn nữa do tụ đàn nhỏ nên hay bị bệnh tật. Tình trạng nuôi ong theo kỹ thuật thấp này hiện nay vẫn còn tồn tại ở các vùng dân tộc ít người thuộc vùng núi nước ta. Nếu được áp dụng kỹ thuật mới, nghề nuôi ong của ta sẽ phát triển tốt hơn nhiều.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI về phát triển nghề nuôi ong ở nước ta, Bộ nông nghiệp đã hình thành bộ máy quản lý, chỉ đạo ngành ong trong phạm vi cả nước, đó là Công ty ong trung ương. Từ lúc đầu chỉ có một số tỉnh tổ chức nuôi ong, đến nay cả nước đã có 34 tỉnh có tổ chức nuôi ong quốc doanh. Dưới đây chúng tôi muốn điểm lại những bước tiến về khoa học kỹ thuật của nghề nuôi ong mật Việt Nam trong vòng 10 năm qua, là thời gian từ khi có tổ chức nuôi ong quốc doanh ra đời.

1 - NHỮNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT MỚI CỦA NGÀNH NUÔI ONG MẬT VIỆT NAM

Từ năm 1965, với việc nuôi ong theo kỹ thuật mới, như sử dụng thùng hộp, dùng cầu ong tháo lắp dễ dàng, gắn tăng chân nhân tạo, và lấy mật bằng thùng quay ly tâm ... đã có tác động lớn đến việc tăng năng suất sản phẩm ong. Từ vài nghìn đàn ong năm 1969, sau 5 năm phát triển, cho đến năm 1974 ta đã có trên 3 vạn đàn ong, thu trên 400 tấn mật và hàng trăm cân sữa ong chúa. Nhưng từ năm 1975, khi các đàn ong thuộc những tỉnh phía bắc đã bị bệnh thối ấu trùng tuổi lớn gây hại, và các đàn ong ở những tỉnh phía nam bị ký sinh varoatose gây hại, thì các loại sâu bệnh này đã nhanh chóng chuyển thành dịch và đã làm cho đàn ong của cả nước ta giảm nhanh về số lượng và chất lượng. Đến cuối năm 1977, cả nước ta chỉ còn lại trên 6000 đàn, với chất lượng đàn rất yếu. Từ đó mật ong thu được quá ít, nên hàng năm Nhà nước đã phải chi cho ngành y tế ngoại tệ để nhập hàng trăm tấn mật ong chế thuốc. Sở dĩ dễ xảy ra tình trạng giảm sút trên có thể do nhiều nguyên nhân, nhưng về mặt chủ quan, có thể nhận xét là do ta thiếu cán bộ kỹ thuật chuyên ngành có năng lực và trình độ, do thiếu trang thiết bị, nhất là thiết bị phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và chỉ đạo kỹ thuật. Đây là một ngành nuôi sinh vật, đòi hỏi công tác khoa học kỹ thuật cũng phải được kiện toàn.

Nắm được tình hình đặc điểm ấy, trong 3 năm lại đây, Công ty ong trung ương đã xác định: công tác khoa học kỹ thuật phải được củng cố và đi trước một bước. Trong công tác khoa học kỹ thuật, bên cạnh khâu lựa chọn, bồi dưỡng cán bộ có trình độ, có tay nghề vững, phải xác định phương hướng đúng là đi sâu vào 3 vấn đề kỹ thuật then chốt: bệnh, giống và thức ăn cho ong. Trong nghiên cứu khoa học, Công ty Ong đã chú ý khâu nghiên cứu ứng dụng là chủ yếu, nhưng đồng thời cũng rất coi trọng khâu nghiên cứu cơ bản phục vụ cho sản xuất lâu dài. Công ty chúng

tôi đã bước đầu đưa sản xuất gắn với thực nghiệm khoa học, nhằm đạt được các chỉ tiêu kinh tế thiết thực. Các đề tài nghiên cứu cơ bản như: điều tra sinh thái các vùng giống ong, chúng tôi đã bắt đầu đi đến nhận xét là ong Hà Tuyên tốt hơn ong Hà Sơn Bình, và ong Hà Sơn Bình tốt hơn ong Thanh Hóa. Về giải phẫu ong, chúng tôi đã đi đến nhận xét là số lượng ống trứng của ong chúa tương quan thuận với trọng lượng cơ thể ong chúa; nhận xét là trọng lượng cơ thể ong chúa dưới 140 mg có số ống trứng giao động dưới 95 và ong chúa có trọng lượng trên 140 mg có số ống trứng giao động từ 95-110. Những nhận xét này đã góp phần xác định hướng kỹ thuật tuyển lựa giống ong trong sản xuất. Về điều tra cơ bản cây nguồn mật, chúng tôi đã đi đến nhận xét là: bạch đàn và nhãn có sản lượng mật ong khá nhất; vải thiều, vải chua, sù vẹt có sản lượng mật ong trung bình khá; bí đao, táo có sản lượng mật ong trung bình; kém nhất là dứa và chè. Các nhận xét ban đầu về điều tra cây nguồn mật đã tạo điều kiện cho việc xác định bước đi của ong theo hoa và kỹ thuật khai thác nguồn hoa có hiệu quả kinh tế nhất.

Ngoài đề tài nghiên cứu cơ bản, các đề tài về tác dụng thuốc phòng trị bệnh thối ấu trùng, trị ký sinh varoatose đã có tác dụng bước đầu. Về phòng trị bệnh thối ấu trùng, chúng tôi đã có nhận xét là: dùng sulfathyazon natri và tetracyclin 1g/lít có hiệu quả tốt và rẻ hơn dùng sulfatol, biomiin, streptomixin. Về phòng trị ký sinh varoatose bằng phénolthiazin đánh nhiều lần với liều lượng 1,5 g/dem tốt hơn ít lần. Các đề tài về thức ăn nhân tạo đã xác định thành phần thức ăn gồm phần hoa tự nhiên, đường, bột, đậu xanh và sữa gầy không bơ, với tỷ lệ phối chế 3:3:3:1 là tốt nhất, có tác dụng duy trì tốt đàn ong trong mùa thiếu hoa. Về tạo ong chúa hàng loạt, chúng tôi đã xác định: thùng giao phối cầu nguyên hơn cầu 1/2 và cầu 1/2 hơn cầu 1/4.

Qua những kết quả nghiên cứu trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm trên các lô theo dõi, Công ty ong trung ương đã có chủ trương đề ra nuôi ong với kỹ thuật tổng hợp, gồm 5 biện pháp kỹ thuật liên hoàn như sau:

1. Nuôi đàn mạnh: đặc điểm sinh lý của giống ong Việt Nam là: tùy theo từng mùa trong năm, khối lượng ong trong bầy thường giao động từ 1-1,5 kg, tức là phải có 6-8 cầu đối với ong nội; từ 2-2,5 kg, tức là 8-10 cầu đối với ong Ý trong mỗi đàn. Trong mùa xuân và thu, lúc có nhiều nguồn hoa và nhiệt độ khí trời mát mẻ phải có trên 3 cầu đối với ong nội, và 7 cầu đối với ong Ý trong mỗi đàn mới có thể duy trì phát triển được đàn ong. Chất lượng đàn yếu, có số cầu

ít hơn mức độ trên sẽ khó phát triển đàn và dễ bị sâu bệnh.

2. *Đàn ong chúa trẻ, khỏe và có dòng di truyền tốt*: trước đây, do chưa vận dụng tốt kỹ thuật nuôi ong trong điều kiện nhiệt đới của ta, nên ta vẫn chủ trương 1-2 năm thay ong chúa một lần như nước ngoài, do đó các mùa hè và mùa đông ong thường ngừng đẻ trứng làm cho thể đàn giảm sút. Qua nghiên cứu, trong điều kiện của ta, ong chúa Việt Nam có cơ thể nhỏ, trọng lượng nhẹ, số ăng trứng ít hơn 25% so với ong chúa nước ngoài, lại đẻ quanh năm (ở nước ngoài ong chúa chỉ đẻ trong thời gian 5 tháng), nên sức đẻ trứng giảm dần. Trên cơ sở đó, việc áp dụng kỹ thuật mỗi năm thay chúa 2 lần vào tháng 3 hoặc 4, và tháng 10 hoặc 11 đã duy trì sức đẻ trứng trong đàn tốt, đàn ong phát triển đồng đều. Ngoài ra ong chúa đều được chọn trong các đàn khỏe, chất lượng đàn tốt, năng suất sản phẩm cao và trọng lượng cơ thể trên 140 mg; ong chúa không bị nhiễm bệnh và trao đổi ong chúa giữa các đàn ong để chống cận huyết..., đã làm cho đàn ong chống đỡ được bệnh, phát triển đàn tốt. Việc tạo chúa hàng loạt và dự trữ được chúa đã tác động lớn đến biện pháp kỹ thuật này.

3. *Bảo đảm đầy đủ thức ăn cho ong*: thức ăn của ong phải bao gồm đủ glucit, protit, vitamin, muối khoáng và một số nguyên tố vi lượng. Trong tự nhiên, mật hoa và phấn hoa có đủ thành phần dinh dưỡng như trên. Trong những năm qua, do chưa nắm vững yếu tố sử dụng tổng hợp nên trong thức ăn của ong thường chỉ lấy đường làm chính (trong mùa hiếm hoa) để làm cho đàn ong suy dinh dưỡng, phát triển kém. Do áp dụng đúng kỹ thuật di chuyển ong theo hoa, kết hợp với một phần đường, hoặc cho ong dùng thức ăn tổng hợp do chúng tôi tự chế biến, đã đảm bảo đủ glyxit, protit, vitamin và muối khoáng, làm cho đàn ong phát triển bình thường trong mùa hiếm hoa.

4. *Áp dụng biện pháp vệ sinh khử trùng tốt*: cũng như những động vật khác, ong mật là loài côn trùng có những bệnh tật nghiêm trọng do vi trùng, virus hoặc ký sinh trùng gây ra. Công tác vệ sinh khử trùng và cách ly phòng bệnh đối với ong có một tầm quan trọng đặc biệt. Ngoài việc dự tính dự báo sâu bệnh cho đúng, còn phải coi trọng khâu phòng bệnh, và khi có bệnh phải phát hiện sớm, cách ly tốt và dập bệnh nhanh chóng, triệt để. Ở mỗi đội nuôi ong của chúng tôi, đã định kỳ vệ sinh khử trùng thùng, cầu và dụng cụ, như rửa sạch bằng nước, phơi khô và xử lý bằng H_2O_2 nồng độ 10% hoặc formalin 5%. Sau khi dùng dụng cụ xử lý thuốc, phải rửa sạch, phơi khô thì mới dùng lại. Khi một số đàn ong phát hiện có

triệu chứng bệnh, phải cách ly xa để trị bệnh, nhưng phải cho ăn thuốc phòng với các đàn ong còn lại.

5. *Dùng thuốc đúng lúc, đúng cách, đúng loại*: đàn ong là một xã hội côn trùng bao gồm đủ các loại: trứng, sâu, nhộng và ong trưởng thành, với một ong chúa. Trong mỗi thành phần trên lại bao gồm trong nhiều giai đoạn phát triển và lứa tuổi khác nhau. Trên cơ sở sinh lý của một tổng thể trong một xã hội như vậy, rất ít khi chỉ có một tác nhân gây bệnh, mà thường là do một nhóm bệnh cùng tác động gây nên. Và cũng chính do quần thể sống như vậy nên khi dùng thuốc phải chú ý sử dụng các loại thuốc có hiệu lực cao, nhưng lại phải đúng liều lượng. Công tác này rất phức tạp, vì thế phải làm đúng như quy định của quy trình thú y, hoặc khi dùng thuốc mới phải thăm dò về mặt liều lượng. Dùng thuốc không đúng sẽ gây tác hại lớn cho đàn ong hoặc có khi chỉ có tác dụng tốt với thành phần này nhưng lại tác hại cho thành phần ong khác, đảo lộn sinh lý của đàn cũng làm cho đàn ong suy sụp.

Chúng tôi đã xác định: năm biện pháp trên là tổng hợp và liên hoàn với nhau, tách riêng từng mặt riêng lẻ đều không có tác dụng trong xã hội của loài ong mật; mỗi biện pháp đều có liên quan chặt chẽ với nhau, biện pháp này là tiền đề của biện pháp kia và tác động lẫn nhau; xem nhẹ một biện pháp nào đều không thể phát huy tác dụng tổng hợp của các biện pháp khác.

II — KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU CỦA VIỆC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀN ONG CỦA TA TRONG NHỮNG NĂM QUA

Do có sự đổi mới về nhận thức và có biện pháp chỉ đạo kỹ thuật đúng đắn, trong 3 năm qua ngành ong nước ta đã có những tiến bộ bước đầu. Từ hơn 6000 đàn (đầu năm 1978) đến cuối năm 1979 toàn quốc đã phát triển lên trên 14000 đàn, với chất lượng đàn tốt (trên 42000 cầu). Chính do từng bước vừa khống chế bệnh, vừa phát triển đàn ong một cách vững chắc, nên sản lượng mật 1978, đưa lên gấp 2 lần 1977, và năm 1979 lên gấp 1,5 lần năm 1978. Đặc biệt việc ký hợp đồng hai chiều với tỉnh: cung cấp vật tư đi đôi với giao nộp sản phẩm, bảo đảm cho địa phương có lợi, Nhà nước có lợi và người sản xuất cũng có lợi, đã huy động được nhiều sản phẩm về trung ương, góp phần cho nước ta tự túc được mật ong không phải nhập ngoại nữa. Ngoài mật ong, chúng ta còn thu được mỗi năm hàng chục tấn phấn hoa và hàng tấn sữa ong chúa để cung cấp cho ngành y tế. Các tỉnh Kiên

Giang, Đắc Lắc, thành phố Hồ Chí Minh có tốc độ phát triển nhanh; và các tỉnh Thái Bình, Hải Hưng, Vĩnh Phú đã khôi phục đàn ong gần bằng mức cũ trước lúc bị dịch bệnh.

Đặc biệt, các đơn vị trạm trại trực thuộc Công ty ong trung ương đã có tốc độ hồi phục và phát triển nhanh nhất và sử dụng vật tư thấp nhất: là dưới 1kg đường cho 1kg mật. Trại giống ong Lương Sơn với 234 đàn, 674 cầu, thu được 8200 kg mật (1978) đã đưa lên 1000 đàn 3000 cầu thu 15039 kg mật (1979) và đã có hai tổ thu năng suất bình quân 800 kg/mật/người, có một người thu trên 1000 kg, là năng suất từ trước tới nay chưa từng có. Trại giống ong Bảo Lộc (Lâm Đồng) từ 180 đàn, 1080 cầu (năm 1978), đến cuối năm đã nhân đàn lên 420 đàn, 4200 cầu và thu 10 kg sữa ong chúa, 300 kg phấn hoa, vượt kế hoạch 33%. Trại nghiên cứu kỹ thuật nuôi ong Đốc Tín từ 48 đàn, 192 cầu (tháng 11 năm 1978) đến cuối năm 1979 đã đưa lên 350 đàn với 1000 cầu, đạt năng suất nhân đàn xưa nay chưa có. Các đơn vị nuôi ong khác thuộc Công ty đều thực hiện dưới định mức 1 kg đường/1 kg mật. Riêng đội phụ nữ lâu nay phải bỏ nghề nuôi ong, thì năm 1979 đã nhận ong nuôi quanh năm, với việc kết hợp thu một cây nguồn mật: trong 30 ngày đã thu năng suất trên 300 kg/người, đảm bảo vượt năng suất lao động quy định cho công nhân nuôi ong.

Vì những lý do đó, các đơn vị sản xuất của ngành ong từ trước vẫn thua lỗ, từ năm 1978 lại đây đều có lãi nộp Nhà nước ngày một tăng, và riêng đơn vị nghiên cứu, tùy dùng kinh phí sự nghiệp nhưng cũng đưa hiệu quả đồng vốn từ 0,30 lên 0,70, giảm bớt phần bù lỗ của Nhà nước. Ngoài bảo đảm nghiên cứu và sản xuất tốt, các đơn vị cơ sở của Công ty Ong trung ương đã tích cực đưa các kết quả nghiên cứu của mình vào thực nghiệm ở các tỉnh Lâm Đồng, Đắc Lắc, Thanh Hóa, đóng góp bước đầu cho kỹ thuật nuôi ong ở đây cải tiến tốt.

Sở dĩ có những chuyển biến về mặt khoa học kỹ thuật trên là do Công ty có chủ trương đúng, các đơn vị cơ sở của Công ty đã chủ động, sáng tạo trong công tác và nhất là việc áp dụng tốt biện pháp kỹ thuật tổng hợp, với

năm khâu kỹ thuật liên hoàn vào trong đơn vị mình. Nếu có đủ vật tư hơn nữa, thì việc mở rộng tiến bộ kỹ thuật sản xuất sẽ nhanh hơn và nghề nuôi ong trong cả nước ta sẽ có những bước tiến quan trọng trong giai đoạn tới.

III - NHỮNG TỒN TẠI KỸ THUẬT CẦN KHẮC PHỤC ĐỂ ĐẦY MẠNH NGHỀ NUÔI ONG MẬT Ở NƯỚC TA

Tiềm năng của đất nước ta về nguồn lợi sản phẩm do ong mật đem lại rất to lớn. Đặc biệt là nước ta chưa có những cây nguồn mật có nguồn phấn tập trung lớn, nên việc phát triển nuôi ong phải coi trọng cả 3 khu vực: quốc doanh, tập thể và gia đình. Trừ vùng rừng núi của ta là có thể nuôi ong dài ngày còn các vùng trung du và đồng bằng của ta nên phát triển nuôi ong theo thời vụ hoa là tốt nhất. Để có nhiều ong khai thác trong các thời vụ hoa đại trà, công tác quy hoạch cây cho phấn, cho mật, xác định các vùng giống ong, bố trí xây dựng hệ thống các trạm giống, áp dụng kỹ thuật nhân giống tiên tiến, đều phải tập trung vào mục tiêu là làm sao có nhiều ong trước vụ hoa đại trà, phải được coi là khâu quan trọng nhất. Tất nhiên, để đảm bảo cho hệ thống giống và các đàn ong đi khai thác tốt phải đặt lên hàng đầu là công tác nghiên cứu khoa học và quản lý kỹ thuật. Phải đầu tư thích đáng về cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị cho công tác nghiên cứu khoa học và quản lý kỹ thuật về giống, sâu bệnh, cây nguồn mật, phân vùng quy hoạch, kỹ thuật nuôi dưỡng, khai thác và bảo quản, chế biến sản phẩm cũng như những vật tư kỹ thuật cho ngành ong.

Để đáp ứng yêu cầu đó, trước tiên phải đào tạo đủ cán bộ có trình độ, có năng lực; hết sức phải tranh thủ sự chi viện của Nhà nước, kể cả chi viện của nước ngoài. Xây dựng ngành ong Việt Nam thật hoàn chỉnh, có hệ thống tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương và cơ sở, hoạt động trong một quy chế chặt chẽ, là mục tiêu phấn đấu của ngành nuôi ong mật Việt Nam trong thời gian tới.